

Ngày 30/06/2025	24,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.2%	2.3%	25.2%

	Q2/25	
ROE	20.0%	+/- YoY ▲ 5.0%

	Q2/25		
DT thuần	675	QoQ ▲ 604 ▲ 847%	YoY ▲ 58.0 ▲ 9.4%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
DT thuần	747	YoY ▲ 42.0 ▲ 5.8%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN gộp	164	QoQ ▲ 140 ▲ 585%	YoY ▲ 38.0 ▲ 30.4%
		tỷ VNĐ	

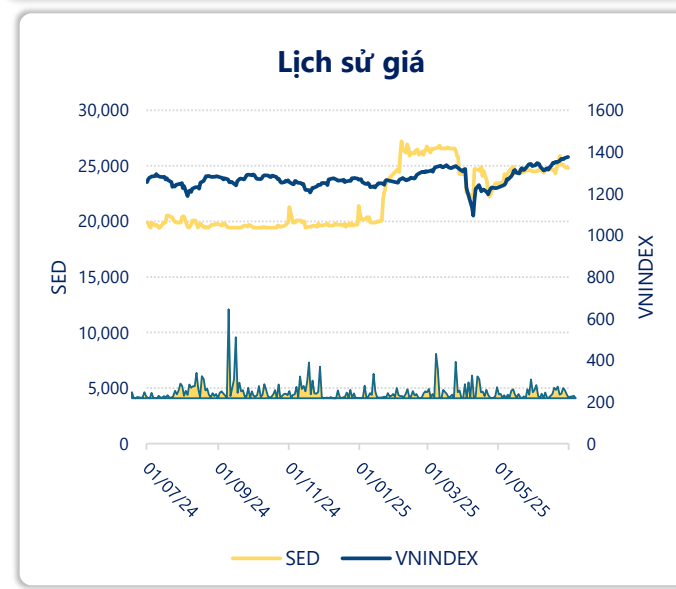
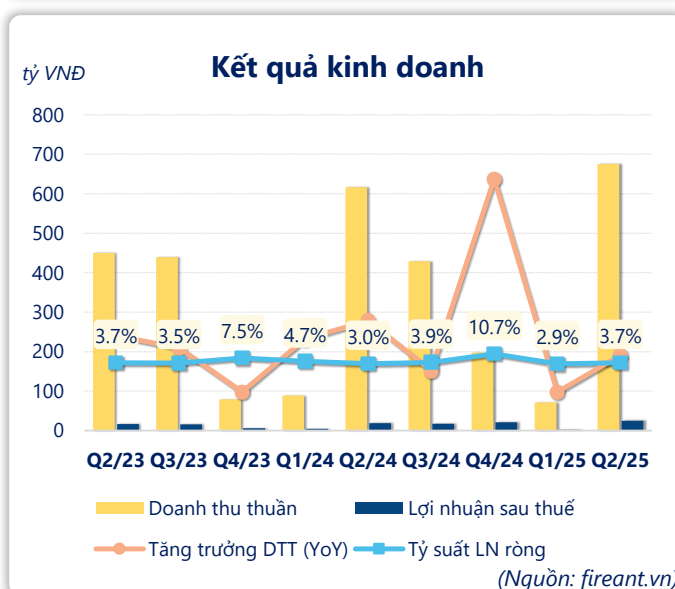
	6T 2025	
LN gộp	188	YoY ▲ 30.0 ▲ 19.5%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN thuần	32.2	QoQ ▲ 28.5 ▲ 770%	YoY ▲ 8.10 ▲ 33.6%
		tỷ VNĐ	

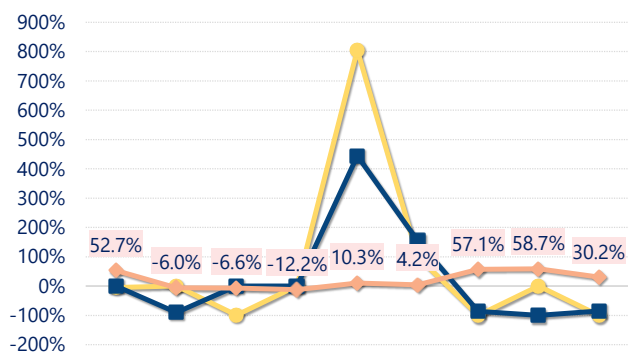
	6T 2025	
LN thuần	35.9	YoY ▲ 6.60 ▲ 22.3%
		tỷ VNĐ

	Q2/25		
LN sau thuế	24.8	QoQ ▲ 22.8 ▲ 1123%	YoY ▲ 6.10 ▲ 32.7%
		tỷ VNĐ	

	6T 2025	
LN sau thuế	26.9	YoY ▲ 4.00 ▲ 17.2%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

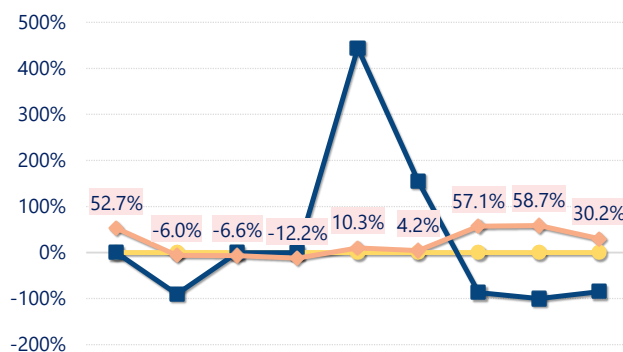


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

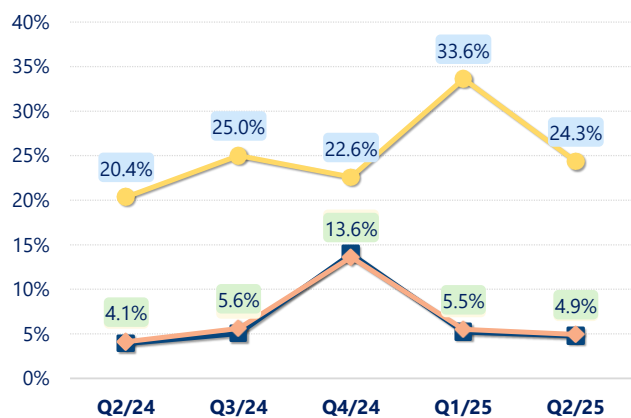


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

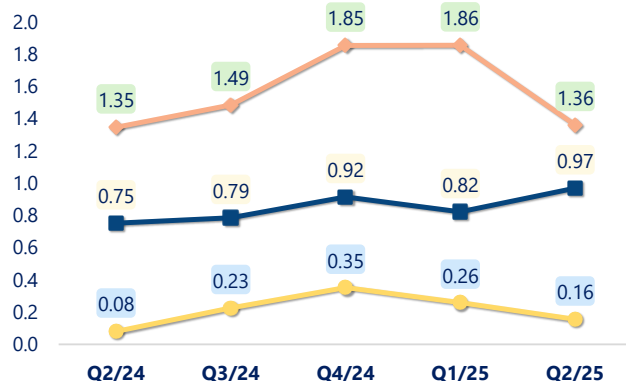


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

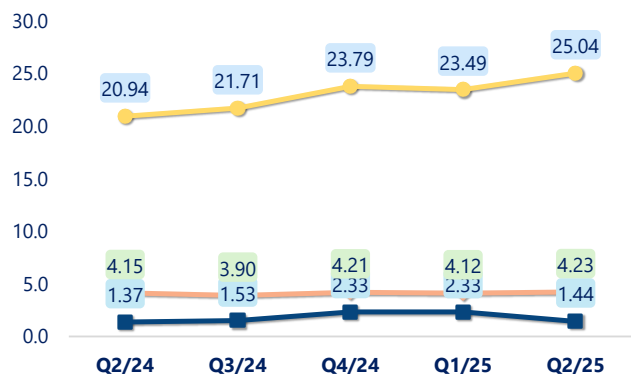


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

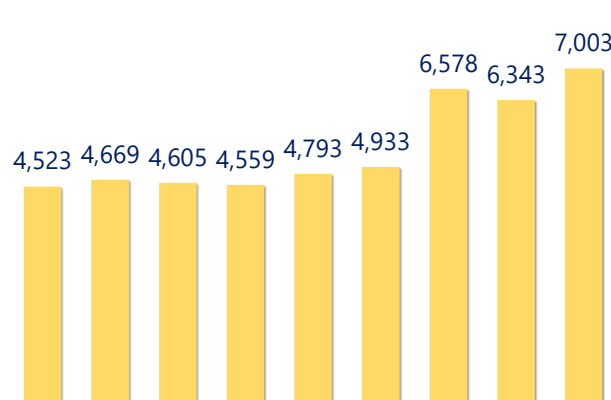


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	675	617	9.4%	747	705	5.8%
Giá vốn hàng bán	511	491	4.1%	558	548	1.9%
Lợi nhuận gộp	164	126	30.4%	188	158	19.5%
Doanh thu HĐTC	0.43	0.20	113%	0.87	0.50	74.1%
Chi phí TC	1.56	1.85	-15.7%	1.77	2.30	-23.0%
Chi phí lãi vay	1.24	1.03	20.3%	1.45	1.48	-1.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	103	77.3	33.7%	117	96.5	20.9%
Chi phí QLDN	27.6	22.6	22.3%	34.8	30.0	16.3%
LN thuần từ HĐKD	32.2	24.1	33.6%	35.9	29.3	22.3%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.27	-105%	-0.01	0.26	-105%
LN trước thuế	32.2	24.3	32.4%	35.9	29.6	21.2%
Lợi nhuận sau thuế	24.8	18.7	32.7%	26.9	22.9	17.2%
LNST của CĐ cty mẹ	24.8	18.7	32.7%	26.9	22.9	17.2%

(Nguồn: fireant.vn)

